

Giải pháp nào cho quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long ?

ThS. KTS Phan Tấn Thọ



Đầu mối hình thành chợ

Hiện nay, dân số Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có khoảng 18,2 triệu người, 80% dân số tập trung ở nông thôn. Đồng bằng rộng lớn, phù sa bồi đắp quanh năm, sản lượng lúa gạo được người dân nông thôn sản xuất với khối lượng rất lớn. Thế nhưng bên cạnh những ưu đãi đó của thiên nhiên là sự tàn phá khốc liệt của nó. Hàng năm các tỉnh ĐBSCL thường xuyên bị lũ lụt, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của cải vật chất, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân trong vùng. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn - nhà ở tạm bợ bằng cây lá, nằm rải rác trên

các bờ sông, thường bị lũ cuốn trôi trong mùa lũ. Một căn nhà vững chãi thách thức nắng mưa, bão lũ là niềm mong mỏi của người dân nông thôn ĐBSCL và cũng là thách thức lớn đối với mục tiêu năm 2010 là ĐBSCL phải đạt trên 90% số dân có nhà ở kiên cố, bán kiên cố mà Chính phủ đã chỉ đạo trong Quyết định 01/1998/QĐ - TTg ngày 05/01/1998.

Khi thoả ước mở tín dụng được ký kết giữa Bộ Tài chính Việt Nam và cơ quan phát triển Pháp trị giá 25 triệu euro nhằm hỗ trợ chương trình phát triển nhà ở và hạ tầng kỹ thuật cho cư dân vùng lũ lụt ĐBSCL, tôi liên tưởng đến sự phát



Làng bóm sông

triển mới của vùng đất màu mỡ này. Bởi lẽ hạ tầng kỹ thuật và kinh tế luôn là bạn song hành. Hạ tầng kỹ thuật phát triển thúc đẩy nền kinh tế phát triển và ngược lại, nền kinh tế phát triển tạo động lực cho hạ tầng phát triển. Thế nhưng hiện nay, việc phân bố dân cư trên vùng ĐBSCL còn phức tạp và phân tán sẽ gây không ít khó khăn cho việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật một cách đồng bộ. Sự phân tán dân cư là kết quả lịch sử quá trình khai khẩn và phát triển vùng ĐBSCL. Để thấu hiểu được hết, bạn đọc có thể tìm hiểu về cấu trúc làng xã của vùng nông thôn này.

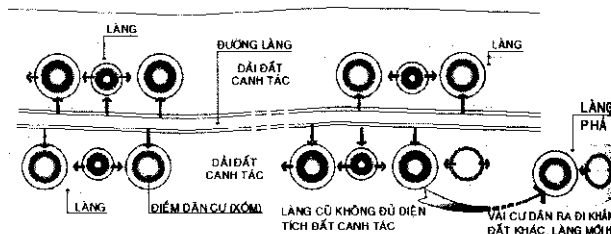
1. THÀNH PHẦN DÂN CƯ VÙNG ĐBSCL

ĐBSCL là vùng đất mới được khai khẩn gần đây, khoảng 300 năm. Trước đó, vùng đất này hầu như còn là nơi hoang vu và là nơi dành cho người tù tội bị lưu đày, là nơi thoát thân của những người trốn tránh sưu thuế, binh dịch. Bên cạnh đó, cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài hai thế kỷ, nhất là bảy trận đánh lớn trong khoảng 45 năm từ 1627 đến 1672, đã làm cho hầu hết dân chúng phải gánh nhiều tai hoạ: chết chóc, tàn phá, đói khổ. Từ đó có phong trào di dân vào Nam khai phá vùng đất mới.

Từ cuối thế kỷ XVII trở đi, song song với việc chính quyền họ Nguyễn lần lượt xác lập quyền lực cai trị của mình trên vùng đất mới, lực lượng di cư được bổ sung thêm bằng nhiều thành phần khác: những người giàu có đầu tư khai thác vùng đất mới, những binh lính và tội đồ triều đình, có cả những người Hoa và Khơ - me di cư. Từ đó hình thành nên một cộng đồng gồm nhiều thành phần, giai cấp xã hội, nhiều sắc tộc, tôn giáo khác nhau, có nhiều thành phần phức tạp. Nhưng điều không chối cãi được là thành phần cấu tạo chủ yếu chiếm đa số phải là những người nông dân nghèo khổ, họ mang trong mình một chất dương tính mạnh mẽ: có khí phách, mạo hiểm, du mục... Cùng với điều kiện tự nhiên thuận lợi và tính dung hoà trong cộng đồng các dân tộc đã tạo nên những nét văn hoá rất riêng cho người dân ĐBSCL. Chính nét riêng này góp phần làm cho làng ĐBSCL khác biệt so với các làng ĐBBB.

2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH CƯ: “TỪ GIỒNG XUỐNG TRÚNG”

Khi mới đến Nam Bộ, người Việt Nam phải lựa chọn những nơi có yếu tố thiên nhiên tương đối thuận lợi để định



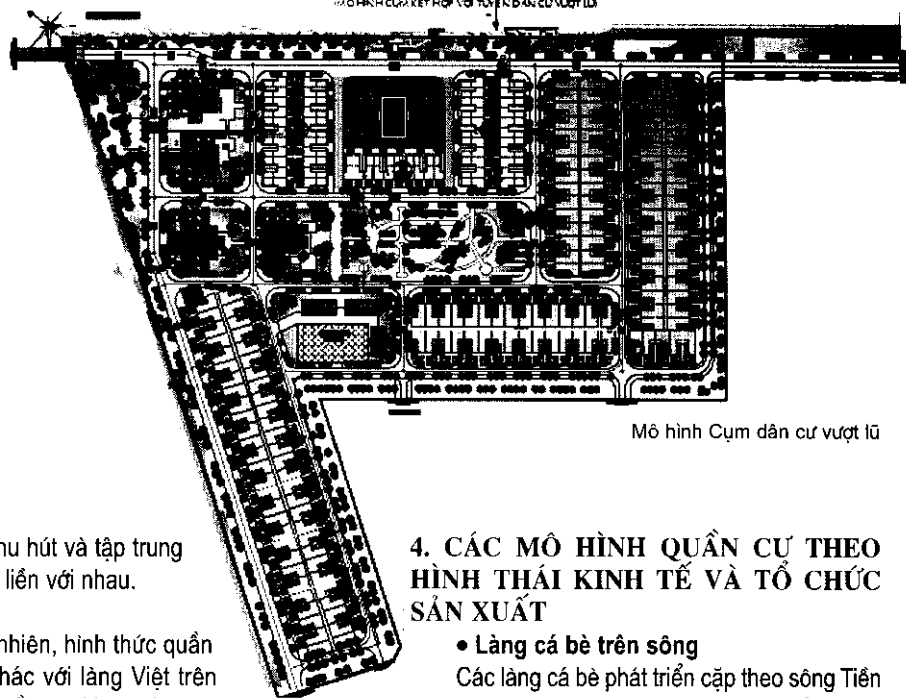
Làng khai phá

cư như gần nguồn nước ngọt để ăn uống, sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi... Do vậy mà người dân phải chọn những “con giống” làm đất cứng chân, làm tụ điểm. Tại đó họ trồng rau màu ngắn ngày. Do nhu cầu mở rộng diện tích canh tác, họ dần dần tiến xuống đầm lầy đất trũng, chịu ảnh hưởng của sông nước. Ngoài loại làng ven biển của lưu dân làm nghề chài lưới, dọc bờ sông còn có loại làng lập ở gần nơi “giáp nước” và làng cư ngụ trên vùng đất cù lao.

Thực dân Pháp đến, nhằm mục đích bóc lột nhân công rẻ tiền và xuất cảng tài nguyên, đã thực hiện: cho đào kênh để chuyên chở lúa gạo, giúp giao thông dễ dàng, đồng thời rút bớt nước vào mùa lụt ở sông Hậu Giang ra vịnh Xiêm La, vùng phù sa mới không còn bị ngập nước quá cao. Dân cư tập trung dọc theo bờ kinh, bờ xáng đào là vùng khô ráo để ở. Khai khẩn vùng rừng tràm đối cỏ, lập điểm: dân cư tiến sâu hơn vào những nơi mà trước đây không tới được bằng đường thủy. Như vậy, ban đầu lưu dân người Việt theo đường thủy đến đây, định cư ngay trên bờ sông, trên những nơi cao ráo. Sau đó tiến sâu hơn vào những vùng đất thấp, trũng hơn, những nơi mà người dân lúc nào cũng thấy nước đặc biệt là vào mùa lũ. Ngày nay, dân cư đã có mặt khắp vùng miền ĐBSCL và tiếp tục “sống chung với lũ”.

3. HÌNH THỨC QUẦN CƯ

+ *Làng kéo dài trên diện rộng - tính mở:* Hình thể làng ở ĐBSCL thường là chạy dài, có thể kéo dài 7 - 8 cây số hoặc dài hơn nữa, nhưng dân số thưa thớt theo hai bên bờ sông, bờ rạch thuận lợi giao thông đường bộ và đường thủy cũng là những giống cao tránh lũ, với một lớp nhà: Mé Rạch, đường mòn rồi đến nhà, phía sau là vườn rồi đến ruộng. Những nơi ngã ba sông hoặc ngã tư là nơi giao nhau giữa đường thủy và giao của các đường lộ, nhà cửa được tập trung đông đúc, là nơi giao lưu trao đổi hàng hoá, do đó đa số ở đây có một



Mô hình Cụm dân cư vượt lũ

chợ nông thôn, nó cũng là một điểm thu hút và tập trung dân cư do vậy chợ và cầu thường gắn liền với nhau.

Vẫn trong mối quan hệ với thiên nhiên, hình thức quần cư của làng Việt trên ĐBSCL cũng khác với làng Việt trên đồng bằng sông Hồng. Ở ĐBSCL, quần cư không là một quần thể khép kín với lũy tre bao bọc quanh làng, với tường rào bao quanh nhà, mà làng mạc được phân bố theo dạng kéo dài, lấy kênh mương hay lộ giao thông làm trục đó là tính mở của làng ĐBSCL. Tre ở ĐBSCL được trồng không phải để ngăn cách làng xóm mà dùng để xây cất, làm các vật gia dụng, dụng cụ đánh bắt và làm phương tiện xuống ghe chuyên chở. Các làng ĐBSCL ít chịu ảnh hưởng bởi Gia tộc vì thời gian định cư ở đây chưa nhiều, và nơi định cư hay thay đổi. Các làng ở ĐBSCL cũng thờ tổ tiên nhưng chủ yếu là hoạt động của từng gia đình nhỏ. Khi đó, chất kết dính trong làng ngoài quan hệ láng giềng lâu đời còn có quan hệ giữa những người cùng chung cảnh ngộ, cùng rời bỏ quê hương đến làm ăn nơi đất lạ. Nét riêng này làm cho làng ĐBSCL khác biệt so với các làng đồng bằng Bắc bộ.

+ **Làng khai phá - tính cộng đồng:** Bên cạnh tính mở biểu hiện mối quan hệ với thiên nhiên, việc đẩy mạnh vấn đề khai hoang, làm xuất hiện một loại làng mới - làng khai phá. Việc khai phá vùng đất mới đòi hỏi sự tập trung rất nhiều nhân lực, phải liên kết thật chặt chẽ các thành viên lại với nhau - đó là một đặc tính nữa của làng ĐBSCL - tính cộng đồng. Làng ĐBSCL là làng do người Việt khai phá, nhưng nó lại được tạo lập trong quá trình người Việt khai phá cùng với người Khơ - me, người Chăm, người Hoa, thậm chí cả người Mạ, người Mnông, người Stiêng nữa. Trong quá trình khai phá, không diễn ra sự loại trừ giữa các tộc người lẫn nhau và trái lại, chúng ta còn thấy có một không khí chung ở tinh đoàn kết thân ái, hoà hợp lẫn nhau. Chính vì thế, ở ĐBSCL, ta thấy sự tồn tại kế cận các xóm, ấp của người Việt với các phum, sóc của người Khơ - me, hay các làng người Chăm. Sự kế cận ấy, dĩ nhiên làm cho các dân tộc tiếp nhận một số đặc điểm văn hoá của nhau. Và đặc biệt, sự tiếp xúc với người Hoa, những người rất thạo nghề buôn bán, thương mại đã làm cho người ĐBSCL không bao giờ kỳ thị trong buôn bán, khiến cho làng ĐBSCL "mở" hơn.

4. CÁC MÔ HÌNH QUẦN CƯ THEO HÌNH THÁI KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

• Làng cá bè trên sông

Các làng cá bè phát triển cặp theo sông Tiền và sông Hậu. Đây là một mô hình kinh tế sinh lợi và đang phát triển ở ĐBSCL là sự kết hợp nơi ở và sản xuất. Phía trên là nhà ở và phía dưới nuôi cá trong bè. Các bè được kết hợp gần nhau tiện việc sản xuất và chống chọi với thiên nhiên, nước lên nhà bè lên và ngược lại, hình thành làng các bè trên sông. Cần có quy hoạch về số lượng, quy mô và tổ chức sản xuất, tiêu thụ để ổn định sản xuất làng bè. Vấn đề bảo vệ môi trường nước là vấn đề lâu dài và quan tâm hàng đầu đối với các làng này.

• Làng ruộng, rẫy

Là loại hình chiếm đa số ở nông thôn vùng ĐBSCL. Với hình thức sản xuất bảm ruộng đất của người dân "đất đâu là người ở đó", làm cho nhà người dân ở phân tán mỏng trên diện rộng, rất dễ dàng cuốn trôi trong mùa lũ. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho các hộ dân rất khó khăn.

• Làng vườn

Thường tồn tại ở các vùng đất tương đối cao, người ta đào đắp từng líp tạo các gồng cao vượt lũ và các mương nước tưới cây hoặc những vùng có đê bao khép kín chống lũ. Nền đất cao, nhiều mương rạch đan xen, đất phù sa màu mỡ thích hợp cho việc trồng cây trái, hình thành nhiều làng kéo dài "miệt vườn". Chủ yếu là làng nằm cặp sông Tiền và sông Hậu, những nơi giống đất ngập nông.

• Làng tiểu thủ công nghiệp

Trong một làng ở ĐBSCL, ngoài thời gian lao động nông nghiệp, nông dân đã biết tận dụng thời gian nhàn rỗi đó để góp phần làm tăng thu nhập của mình. Một nhà làm được thì gia đình kia bắt chước làm theo, thế là cả xóm cùng làm. Là vùng kinh tế trẻ hơn so với Bắc Bộ và Trung Bộ, ĐBSCL không có những nghề truyền thống lâu đời. Tuy nhiên, xóm nghề truyền thống ở đây cũng xuất hiện khá sớm, đồng thời với sự định cư của người dân tại đây. Nghề thủ công tại ĐBSCL, cùng với nông nghiệp, đã là hai hoạt động kinh tế



Làng bè

chủ yếu, góp phần không nhỏ vào việc giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận dân cư tại ĐBSCL. Ngoài ra nó còn có ý nghĩa trong việc thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp, góp phần làm ổn định cuộc sống xã hội, nâng cao đời sống và trình độ văn hoá của người dân tại vùng đất mới này.

• Làng theo hình thức cụm tuyến dân cư vượt lũ

Năm 2000, với cơn lũ lịch sử của ĐBSCL đã gây thiệt hại nặng nề cho người và tài sản của ĐBSCL. Được sự quan tâm của Chính phủ, 7 tỉnh vùng ngập lũ ĐBSCL như An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long và Tiền Giang đã triển khai tồn nền xây dựng 574 cụm, tuyến dân cư tương đương với 2669 ha và 48 đề bao tương đương 10364 ha của các khu vực dân cư có sẵn. Bước đầu đã xây dựng tập trung dân cư vào một số cụm, tuyến thoát được lũ lên. Bước đầu giải quyết tốt vấn đề ở, ổn định được nơi ăn chốn ở cho người dân.

Tuy nhiên, qua kiểm chứng trong những trận lũ lớn, một số vấn đề về quy hoạch hệ thống thoát lũ, hệ thống giao thông, quy hoạch sản xuất, xây dựng cụm, tuyến dân cư đã bộc lộ những khiếm khuyết, làm hạn chế hiệu quả đầu tư và tính ổn định, vững chắc của giải pháp “sống chung với lũ” ở vùng này.

+ *Công tác Quy hoạch:* Sự thiếu thống nhất của các địa phương trong triển khai xây dựng các cụm, tuyến dân cư (CTDC) làm mất nhiều thời gian lập quy hoạch xây dựng và phê duyệt kế hoạch xây dựng cho nên việc triển khai thực hiện khó khăn, chậm trễ. Mặt khác, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng ở một số địa phương gặp khá nhiều rắc rối, chủ yếu là do các hộ dân đòi hỏi mức đền bù vượt quá khung quy định của Nhà nước, kế hoạch đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân cư dồn về hàng loạt, khiến đơn vị tư vấn - thiết kế của ngành xây dựng địa phương quá tải, không đảm bảo tiến độ lập quy hoạch, thiết kế - dự toán, nghiên cứu mô hình chưa có chiều sâu, chỉ thoả mãn theo hình thức quy hoạch phân lô nền, chưa thực sự phù hợp phong tục tập quán và ước mong của người dân. Sống gò bó chật hẹp không nơi sản xuất, nuôi trồng, đậu thuyền ghe... Do vậy, công tác đưa các hộ dân vùng ngập sâu vào ở trên các

cụm, tuyến dân cư vượt lũ triển khai chậm, gặp nhiều khó khăn. Mặc dù xây dựng được 3 năm, các tỉnh vùng ngập lũ đã tổ chức bình xét và chỉ được hơn 29 nghìn hộ, trong đó có 7346 hộ đã vào ở trong các cụm, tuyến dân cư. Con số này chiếm tỷ lệ quá nhỏ so với mục tiêu bố trí toàn bộ 2000 nghìn hộ dân vùng ngập sâu ĐBSCL lên các cụm, tuyến dân cư vào năm 2004.

+ *Công tác xây dựng:* Việc xây dựng nhà ở trên các cụm, tuyến đang là một khâu yếu. Ngoài lý do chưa xây dựng xong phần cơ sở hạ tầng thì việc phân lô công bố giá nền cho dân cũng chậm trễ. Mặt khác việc xây dựng nhà ở trên các CTDC xảy ra nhiều sự cố như nứt, tốc mái, sụp nền làm mất lòng tin về khung nhà tiền chế trong người dân. Nguyên nhân sự cố trên là do nền đất san lấp yếu, đầm nền không đủ độ chặt, bị sóng nước làm sạt lở, các CTDC ở vị trí trống trải thiếu cây xanh che chắn để tốc mái. Nhà mới chỉ xây dựng có khung nhà, mái lợp tôn chứ chưa có vách và nền nhà vẫn là đất.

Việc xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa được triển khai nên hệ thống cấp thoát nước, cấp điện không đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho người dân. Tuy nhiên, để xây dựng được những công trình trên đòi hỏi có nhiều kinh phí. Với số tiền chờ bán được 30% số nền nhà theo quy định thì quá thấp cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng.

Như vậy, việc phân bố dân cư ĐBSCL rải rác và thưa thớt như vậy khó có thể đầu tư một hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực hợp lý được. Không những thế, nó còn hạn chế khả năng phòng chống lũ lụt diễn ra hàng năm. Với nguồn vốn tài trợ trên chỉ đáp ứng phần nào kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm, tuyến dân cư mà thôi. Phải chăng chúng ta cần tổ chức mô hình điểm dân cư với quy mô, phân bố một cách hợp lý vừa phù hợp với phong tục tập quán, phù hợp với sản xuất vừa tập trung dân cư vượt lũ thì khi đó dễ dàng phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế nông thôn ĐBSCL nhanh chóng. 